

Theo dấu dòng tiền

TOP CỔ PHIẾU

— —
Ngày 16 tháng 09, 2025

Xem thêm



Bộ phận Phân tích & Đầu tư
Research & Proprietary trading



- Cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến phản ánh có dòng tiền mới tham gia.
- Điều này có thể tạo ra sự biến động giá mạnh hơn, đồng nghĩa sẽ xuất hiện cơ hội kiếm lợi nhuận từ chênh lệch giá



STT	Mã	Ngày	Giá đóng cửa	KLGD	KL TB 30P	Gấp TB 30P
1	AAS	15/09/2025	12.8	5.578.300	2.623.910	2.13
2	ACB	15/09/2025	26.4	27.899.800	23.333.380	1.2
3	ACV	15/09/2025	59.8	1.169.400	910.003	1.29
4	CDC	15/09/2025	28.8	774.900	585.010	1.32
5	CRE	15/09/2025	11.2	2.460.900	1.722.430	1.43
6	CSM	15/09/2025	17.15	3.252.100	1.492.567	2.18
7	CTD	15/09/2025	81.9	2.449.700	919.367	2.66
8	CTR	15/09/2025	92.5	782.800	608.027	1.29
9	DCL	15/09/2025	26.9	901.800	441.733	2.04
10	DDV	15/09/2025	32.5	1.763.900	1.456.867	1.21
11	DPG	15/09/2025	46.95	3.718.000	3.169.300	1.17
12	FPT	15/09/2025	101.9	14.123.100	10.932.317	1.29
13	GMD	15/09/2025	73.8	6.595.600	4.395.164	1.5
14	HUT	15/09/2025	20.1	9.970.700	5.220.807	1.91
15	HVN	15/09/2025	36.3	3.659.100	1.601.923	2.28
16	IJC	15/09/2025	16.65	21.014.300	6.754.457	3.11
17	KDC	15/09/2025	54.6	592.100	396.647	1.49
18	KLB	15/09/2025	24.5	785.400	649.600	1.21
19	KSB	15/09/2025	22.25	5.391.400	3.972.093	1.36
20	MSN	15/09/2025	88.5	16.596.700	12.485.247	1.33
21	MZG	15/09/2025	16.7	1.856.900	1.454.847	1.28
22	NTP	15/09/2025	67	854.000	339.507	2.52
23	PAN	15/09/2025	35.35	5.357.400	2.251.990	2.38
24	POW	15/09/2025	15.65	26.475.400	17.642.996	1.05
25	SGR	15/09/2025	28.05	1.085.600	411.710	2.64
26	SMC	15/09/2025	13.65	1355400	585257	2.32
27	TNG	15/09/2025	21.9	3811500	1835737	2.08
28	VCG	15/09/2025	28.06	30302500	16784286	1.81
29	VHC	15/09/2025	64.3	4817000	1942457	2.48



- Cổ phiếu nằm trên MA200 cho thấy xu hướng dài hạn tích cực và tâm lý thị trường lạc quan.
- Khoảng cách giữa giá đóng cửa và MA200 nhỏ hơn 7% cho thấy cổ phiếu chưa bị mua quá đà, vẫn còn dư địa tăng.

STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	TBKL 10 phiên	RSI(14)	MA 200	% Close - MA200	MACD Hist W	MACD Hist M
1	AAA	15/09/2025	8.35	2.592.200	56.39	7.83	6.63	0.11	0.04
2	BMI	15/09/2025	21.75	560.310	50.84	20.79	4.62	0.08	0.11
3	CTD	15/09/2025	81.9	700.680	61.11	79.16	3.46	-0.73	0.13
4	DL1	15/09/2025	6.9	967.740	50.54	6.63	4.08	-0.24	0.3
5	GAS	15/09/2025	63.2	963.390	45.42	62.5	1.12	0.08	-0.1
6	GIL	15/09/2025	19.6	657.430	49.61	18.32	6.99	0.16	0.17
7	GVR	15/09/2025	29.85	3.462.470	50.67	29.78	0.23	0.1	-0.56
8	IDC	15/09/2025	43.8	1.888.160	54.84	41.78	4.83	0.88	-0.96
9	MST	15/09/2025	5.9	3.359.000	49.82	5.84	0.94	0.02	0.11
10	NHA	15/09/2025	23.35	904.800	47.61	22.71	2.84	0.25	-0.06
11	OIL	15/09/2025	11.9	1.889.580	48.85	11.67	1.98	0.07	-0.02
12	PNJ	15/09/2025	88.2	681.880	58.73	86.48	1.99	0.95	-1.42
13	SSB	15/09/2025	19.85	2.848.610	44.66	18.88	5.13	0.04	0.32
14	TNG	15/09/2025	21.9	1.363.330	60.97	20.68	5.09	0.25	-0.35
15	VEA	15/09/2025	40	801.540	69.1	39.18	2.09	0.12	-0.25
16	VGT	15/09/2025	12.6	1.432.330	53.87	12.57	0.25	0.12	-0.09
17	VHC	15/09/2025	64.3	1.835.930	71	61.75	4.12	1.1	-1.5
18	VOS	15/09/2025	15.09	1.749.280	56.96	15.24	4.34	0.12	-0.12
19	YEG	15/09/2025	14.3	2.679.650	51.44	13.69	4.43	0.1	0.44



Đỉnh và đáy là mức
kháng cự và hỗ trợ
quan trọng của cổ phiếu

Vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Cao nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	ANV	29.2	29.85	4.511.160
2	CSM	17.15	17.2	1582740
3	DXG	24.2	24.5	24.084.990
4	GMD	73.8	74	3.605.610
5	HPG	30.35	30.85	97097400
6	HT1	19.05	19.2	1.171.820
7	HVN	36.3	36.3	1.852.010
8	IJC	16.65	16.8	8.887.740
9	JVC	6.97	6.97	1.034.270
10	KLB	24.5	25.7	592.600
11	KSB	22.25	22.25	3.595.590
12	MPC	17	17.4	235.510
13	MSN	88.5	89	11.499.880
14	MVC	17	17.5	216.440
15	MWG	79.5	79.6	10.210.750
16	NKG	19.7	20.4	27.847.340
17	PAN	35.35	35.5	1.750.270
19	SMC	13.65	14.1	791.280
20	VCG	28.6	28.65	14.288.350
21	VIC	137.8	139.9	2.285.910
22	VPI	59.9	60.1	2.493.670
23	VTZ	19.5	19.7	1.949.420

Vượt đỉnh 3 tháng nhưng chưa vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã	Giá	H13W	KLTB 10 phiên
1	TVN	9.1	9	993.630
2	VHC	64.3	62.3	1.835.930

Phá đáy 3 tháng

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 3 m	TBKL 10 phiên
1	DVN	21	19.9	104.900
2	THG	51	48.4	37.710
3	VTD	8.2	7.9	655.170

Phá đáy 1 năm

Cổ phiếu cắt lên trên các đường trung bình có thể phát tín hiệu mua cho một nhịp tăng giá mới

Cắt lên đường trung bình MA200

STT	Mã	Giá	MA200	KLTB 10 phiên
1	CTD	81.9	79.16	700.680
2	VHC	64.3	61.75	1.835.930
3	GAS	63.2	62.5	963390
4	GVR	29.85	29.78	3.462.470

Cắt lên đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	EVF	13.6	13.52	11.997.520
2	DBC	29.3	29.27	9.397.840
3	HHS	17.35	17.13	6125150
4	HNG	6.4	6.32	3.731.340
5	PVT	18.3	18.23	3.135.810
6	PET	31.95	31.48	2.314.910
7	DPG	46.95	45.29	2.036.140
8	TCM	31.5	31.45	1.942.890
9	APS	10.5	10.38	1717330
10	VGT	12.6	12.5	1432330
11	HTN	11.45	11.41	1254420
12	REE	68	67.08	1093010

Cắt lên đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	AAA	8.35	8.15	2.592.200
2	AGR	19	18.48	3.064.120
3	BID	42.2	41.72	7780520
4	C4G	9.6	9.55	2.345.920
5	DCM	39.7	39.44	3.791.550
7	DPG	46.95	44.84	2036140
8	DPM	27.4	26.97	3865540
9	FCN	18.25	17.88	2669170
10	FPT	101.9	101.64	9221960
11	GVR	29.85	29.77	3462470
12	HAH	58.6	58.35	2453290
13	HBC	8.1	08.03	3116290
14	HUT	20.1	18.68	4977610
15	IDC	43.8	43.79	1888160
16	IDI	8.73	8.25	1882750
17	LCG	12.9	12.65	5959670
18	PVT	18.3	18.17	3135810
14	SHS	26.6	26.5	30835660
15	SZC	35.4	35.27	1638560
16	TCH	22	21.72	11143670
17	TCM	31.5	30.36	1942890
18	VDS	23.55	23.46	5413460
19	VGT	12.6	12.4	1432330
20	VIX	37.45	35.87	39245448
21	VND	24.6	24.38	39160520



Cổ phiếu cắt xuống dưới các đường trung bình phát tín hiệu bán khi giá có thể giảm sâu hơn



Cắt xuống đường trung bình MA200

Cắt xuống đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	DSE	29.65	29.78	1.670.950
2	RYG	12.6	12.94	916.720
3	VCB	65.8	65.82	8876210

Cắt xuống đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA200	KLTB 10 phiên
1	AAS	12.8	13.17	3.870.050
2	KVC	1.8	1.89	803.930



Cổ phiếu có giai đoạn tích lũy trong biên độ hẹp. Thông thường quá trình tích lũy càng lâu với Bollinger band co hẹp cực đại thì theo sau sẽ là giai đoạn biến động mạnh.

STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	Giá thấp nhất 3T	Giá cao nhất 3T	Biên độ %	KLTB 5 phiên
1	QNS	15/09/2025	47.5	46.16	49.1	6.4	98.040
2	QTP	15/09/2025	13.5	13	13.9	6.9	321.740
3	VEA	15/09/2025	40	37.9	40.9	7.9	741.380
4	SAB	15/09/2025	46.7	45.45	50	10	725.760
5	PPC	15/09/2025	10.9	10.7	11.8	10.3	382.520
6	TNH	15/09/2025	16.1	15.6	17.2	10.3	242.660
7	CLL	15/09/2025	36.05	33	36.6	10.9	143.800
8	PVT	15/09/2025	18.3	17.65	19.6	11	2.552.100
9	SBG	15/09/2025	12.45	11.75	13.05	11.1	130.580
10	PVP	15/09/2025	15.25	14.75	16.4	11.2	142.600
11	DBD	15/09/2025	54	51.2	57	11.3	62.240
12	REE	15/09/2025	68	63.9	71.2	11.4	792.780
13	BWE	15/09/2025	48.1	46.5	51.9	11.6	204.520
14	CNG	15/09/2025	29.3	27.15	30.4	12	63.360
15	IMP	15/09/2025	54.6	50.3	56.5	12.3	92.000
16	FMC	15/09/2025	39.55	35.8	40.3	12.6	107.060
17	SCS	15/09/2025	60.9	58.8	66.3	12.8	216.020
18	SJD	15/09/2025	16.3	14.5	16.35	12.8	407.020
19	GAS	15/09/2025	63.2	61.3	69.33	13.1	806.620
20	KDC	15/09/2025	54.6	52	59	13.5	459.960
21	VIP	15/09/2025	13.55	12.4	14.1	13.7	168740
22	ABI	15/09/2025	21.2	20.34	23.18	14	134420
23	VLC	15/09/2025	15.1	14.8	16.9	14.2	142580
24	DPR	15/09/2025	39.25	36.1	41.32	14.5	545000
25	VLB	15/09/2025	48.7	43.5	49.8	14.5	72380
26	PNJ	15/09/2025	88.2	78.6	90.3	14.9	499340



Trung tâm Phân tích và Tư vấn Đầu tư

Nguyễn Văn Thanh

Phụ trách khối Phân tích & Tự doanh

Email: thanhnv@apsc.vn

Phân tích cơ bản

Nguyễn Kim Dung

Chuyên viên phân tích

Email: dungnk@apsc.vn

Chiến lược giao dịch

Nguyễn Văn Thiệu

Chuyên viên phân tích

Email: thieunv@apsc.vn

Cam kết phân tích

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

Khuyến nghị

- CANH MUA** Giá cổ phiếu hiện tại trong vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.
- CHỜ MUA** Giá cổ phiếu hiện tại cao hơn vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.
- TRUNG LẬP** Ước tính giá cổ phiếu có thể tăng/giảm 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.
- CANH BÁN** Ước tính tiềm năng giảm giá trên 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.



Tuyên bố trách nhiệm

Bản báo cáo và các tài liệu đi kèm chỉ phục vụ cho mục đích cung cấp thông tin tham khảo và được phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha (APSC), một doanh nghiệp được cấp phép bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và APSC không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay tác động đến bất kỳ chứng khoán nào. Bất kỳ quyết định đầu tư nào đều dựa trên đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo này cùng với các tài liệu đi kèm không thể được sử dụng làm bằng chứng trong bất kỳ tranh chấp pháp lý nào liên quan đến quyết định đầu tư.

© Copyright - Bản quyền thuộc về APSC. Báo cáo này không được phép sao chép tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của APSC. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. APSC có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho APSC.

Công ty Cổ phần Chứng Khoán Alpha

Hội sở chính

Tầng 1, 1A, 2-389 Đê La Thành, P. Thành Công, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội

Điện thoại: (024) 3933 4666

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 8, số 04/B1 lô 26 BC đường Lê Hồng Phong, Phường

Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Điện thoại: 0913.399.635

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 5, Tòa nhà HDTC, 36 Bùi Thị Xuân, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3535 2115

Chi nhánh Thanh Hoá

Sảnh tầng 1, khách sạn Lam Kinh, Khu đô thị Đông Hương, Phường Đông

Hương, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá

Điện thoại: 0237 3515 009